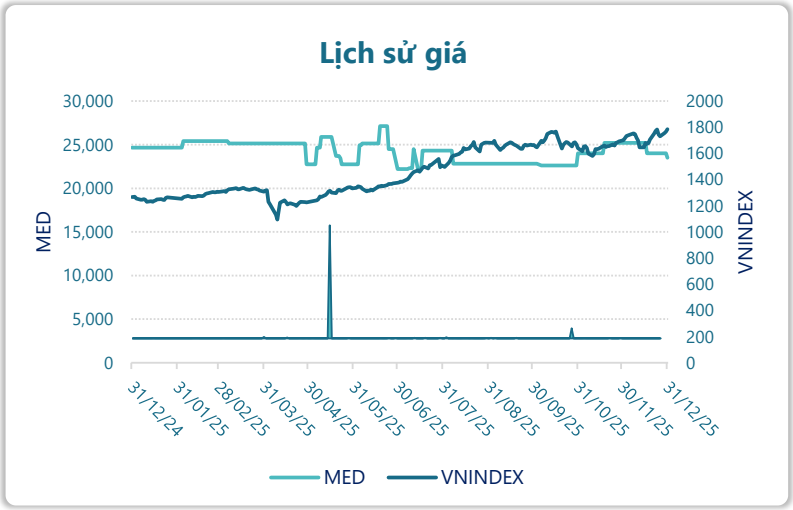
FireAnt

CTCP Dược Trung ương Mediplantex (HNX: MED)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**23,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	27,127
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	22,100
SL cổ phiếu LH	12,410,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	292
P/E	19.1
EPS	1,231

DT thuần

Q4/25

118

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 30.9| 35.0%

YoY: ▲ 12.0| 11.0%

LN sau thuế

Q4/25

6.14

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.23| 57.0%

YoY: ▲ 3.24| 112%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

6.0%

+/- YoY: ▲ 0.8%

DT thuần

2025

367

tỷ VNĐ

YoY: ▼76.0| -17.2%

LN sau thuế

2025

15.3

tỷ VNĐ

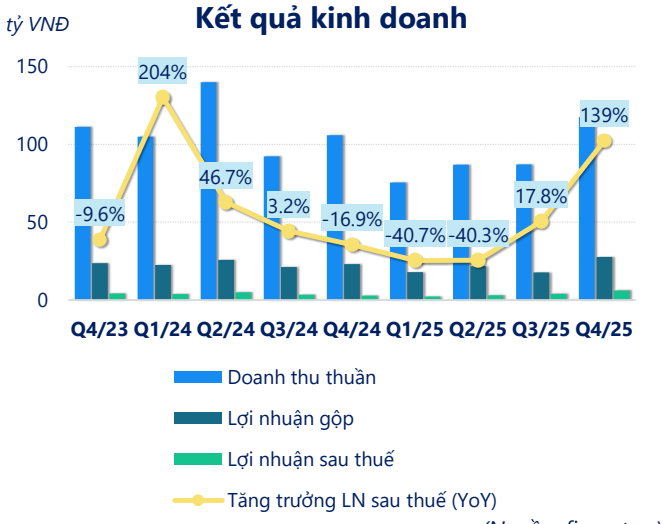
YoY: ▲ 0.10| 0.2%

ROE

2025

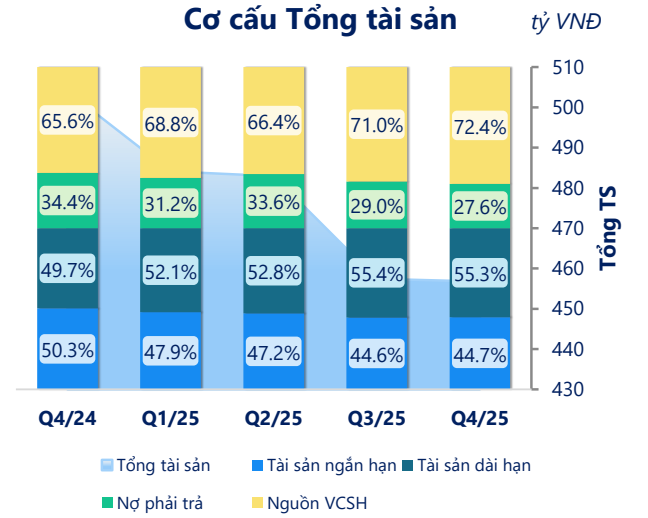
4.6%

Kết quả kinh doanh



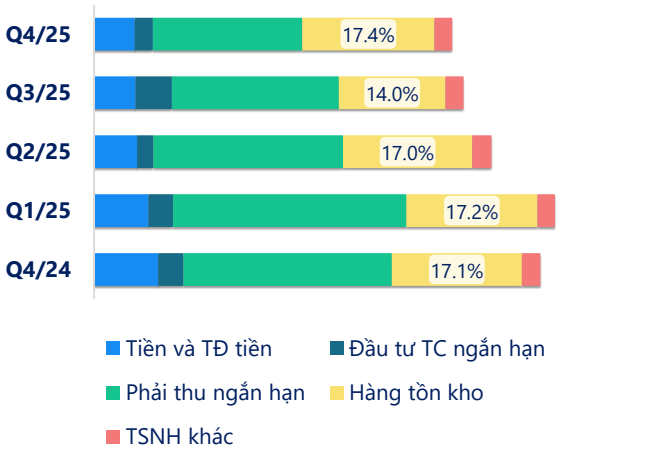
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



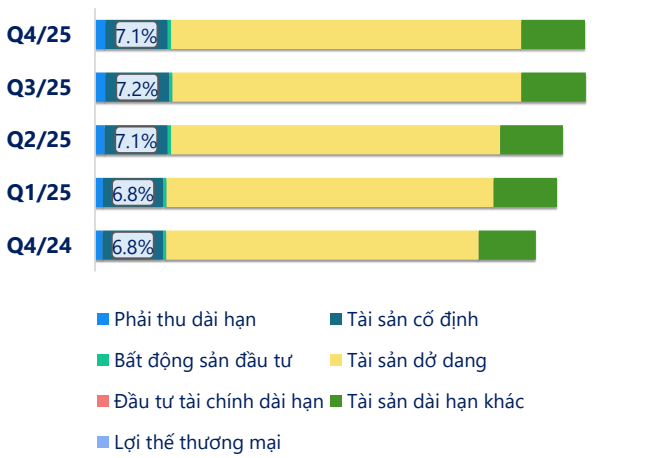
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



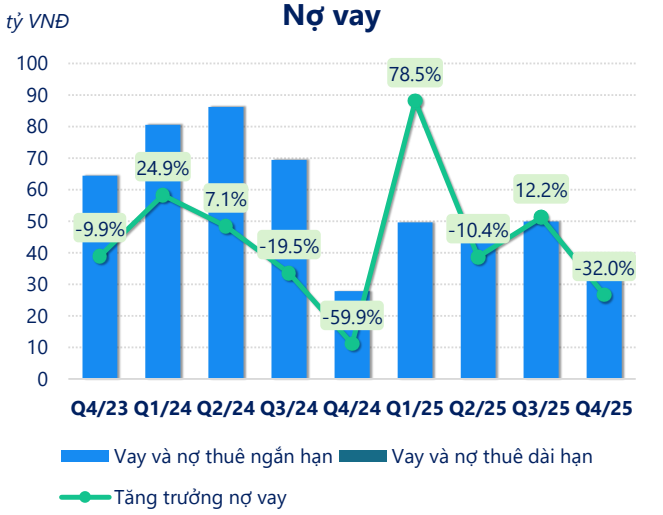
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



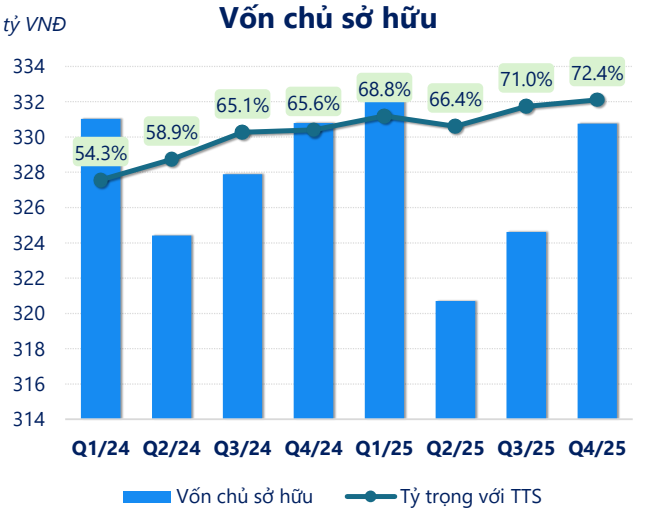
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



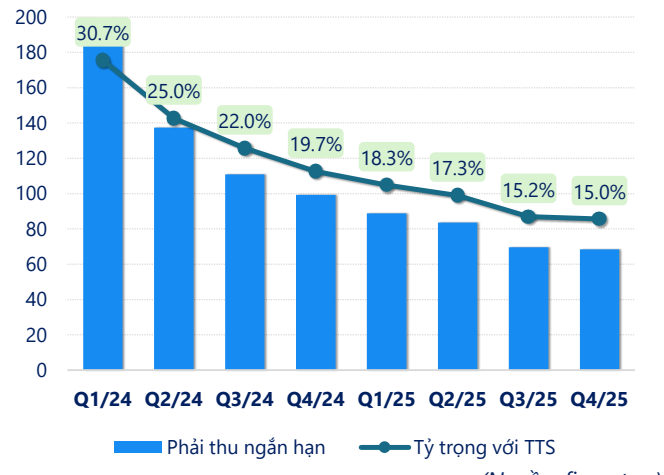
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



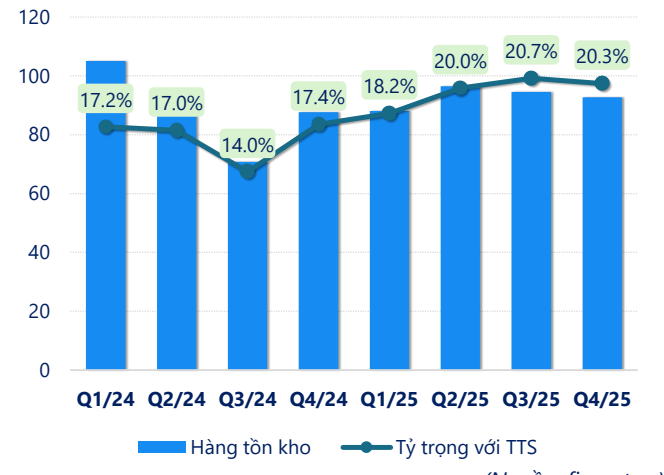
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



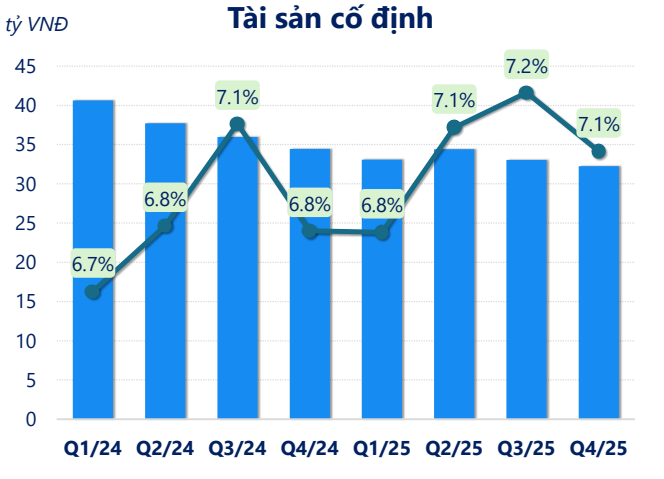
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



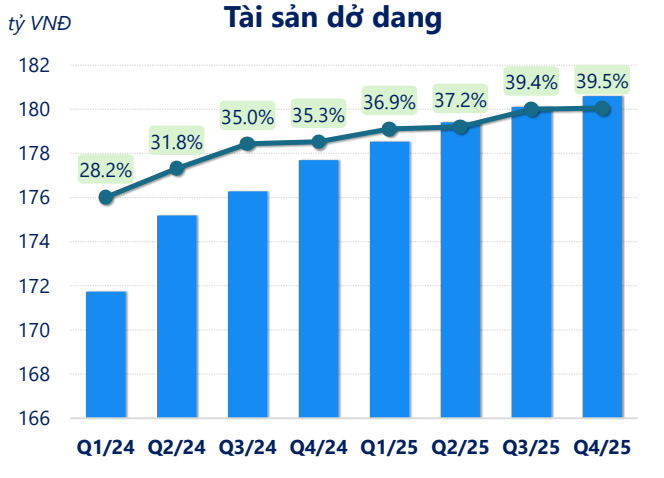
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



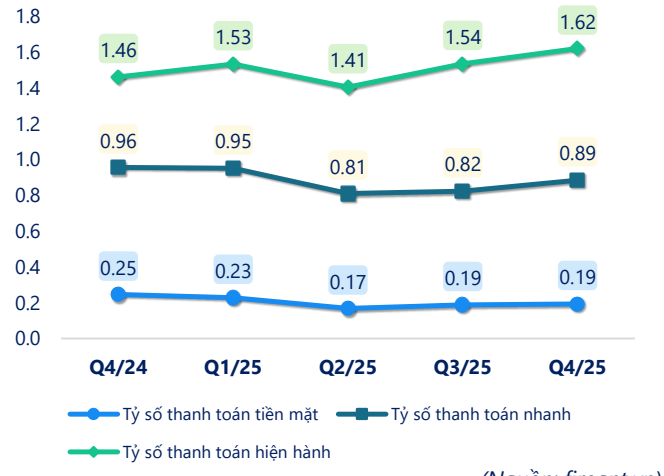
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



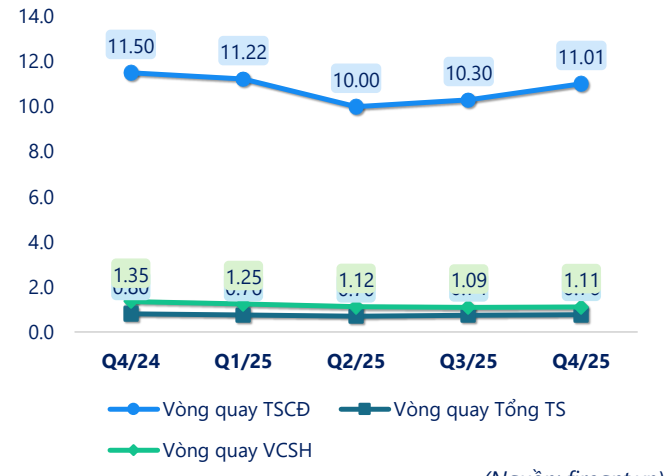
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**504**	**484**	**483**	**457**	**457**
Tài sản ngắn hạn	**253**	**232**	**228**	**204**	**204**
Tiền và tương đương tiền	42.6	34.5	27.3	25.0	24.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.0	9.00	9.00	4.00	6.70
Phải thu ngắn hạn	99.2	88.8	83.6	69.6	68.4
Hàng tồn kho	87.7	88.1	96.4	94.6	92.7
Tài sản ngắn hạn khác	11.7	11.3	11.6	10.9	12.0
Tài sản dài hạn	**251**	**252**	**255**	**253**	**252**
Phải thu dài hạn	4.29	4.29	5.28	5.28	5.28
Tài sản cố định	34.4	33.1	34.4	33.1	32.2
Bất động sản đầu tư	1.88	1.82	1.76	1.69	1.63
Tài sản dở dang	178	179	179	180	181
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	32.4	34.7	34.1	33.3	32.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**173**	**151**	**162**	**133**	**126**
Nợ ngắn hạn	**173**	**151**	**162**	**133**	**126**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	27.8	49.6	44.4	49.9	33.9
Phải trả người bán ngắn hạn	78.3	52.0	42.8	42.3	55.1
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**331**	**333**	**321**	**325**	**331**
Vốn chủ sở hữu	**331**	**333**	**321**	**325**	**331**
Vốn điều lệ	124	124	124	124	124
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)